

Số: 7138 /QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 208/NQ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ và Kế hoạch số 125-KH/TU ngày 27 tháng 8 năm 2026 của Thành ủy thực hiện Kết luận số 75-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chương trình hành động số 31-CTr/TW ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới trên địa bàn
Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2013 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

Căn cứ Kết luận số 56-KL/TW ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

Căn cứ Kết luận số 81-KL/TW ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

Căn cứ Kết luận số 75-KL/TW ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới;

Căn cứ Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển Thành phố Hồ Chí Minh trong kỷ nguyên mới;

Căn cứ Chương trình Hành động số 31-CTr/TW ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Bộ Chính trị thực hiện Kết luận số 75-KL/TW ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới;

Căn cứ Nghị quyết số 122/NQ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 81-KL/TW ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 208/NQ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 75-KL/TW ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới;

Căn cứ Chương trình hành động số 16-CTrHĐ/TU ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị;

Căn cứ Chương trình hành động số 21-CTrHĐ/TU ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển Thành phố Hồ Chí Minh trong kỷ nguyên mới;

Căn cứ Kế hoạch số 125-KH/TU ngày 27 tháng 8 năm 2026 của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện Kết luận số 75-KL/TW ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Công văn số 32911/SNNMT-KTTV ngày 30 tháng 9 năm 2026 và Tờ trình số 32461/TTr-SNNMT-KTTV ngày 28 tháng 9 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Kế hoạch

Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch của Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai Nghị quyết số 208/NQ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ và Kế hoạch số 125-KH/TU ngày 27 tháng 8 năm 2026 của Thành ủy thực hiện Kết luận số 75-KL/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng và Chương trình hành động số 31-CTr/TW ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch ban hành kèm theo Quyết định này; bảo đảm đầy đủ, đồng bộ các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Thành phố theo Kết luận số 75-KL/TW ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới và Chương trình hành động của Thành ủy về thực hiện Kết luận số 75-KL/TW;

b) Thường xuyên rà soát, bảo đảm sự thống nhất giữa Kế hoạch này và các Kế hoạch, Chương trình về bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu của

Thành phố; kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố cập nhật, điều chỉnh, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản, kế hoạch cần thiết để bảo đảm đồng bộ;

c) Là cơ quan đầu mối theo dõi, đôn đốc, tình hình thực hiện của các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì; tổng hợp tiến độ, kết quả thực hiện; khi có khó khăn, vướng mắc, kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo xử lý; chủ trì tham mưu các báo cáo định kỳ, đột xuất, phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết theo quy định.

2. Sở Tài chính

Tổng hợp đề xuất của các sở, ban, ngành, địa phương, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và khả năng cân đối ngân sách của Thành phố, bảo đảm bố trí tối thiểu 3% tổng chi ngân sách Thành phố hằng năm cho sự nghiệp bảo vệ môi trường.

3. Các Sở, ban ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và nội dung được phân công, chủ động tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thuộc phạm vi phụ trách, bảo đảm chất lượng và đúng tiến độ;

b) Chủ động rà soát, cụ thể hóa, lồng ghép các nhiệm vụ, giải pháp vào chương trình công tác, kế hoạch, đề án, dự án và nhiệm vụ thường xuyên của cơ quan, đơn vị;

c) Chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong quá trình triển khai thực hiện; trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc nội dung vượt thẩm quyền, kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, chỉ đạo.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các văn bản sau đây:

1. Quyết định số 1135/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện Chương trình hành động số 16-CTrHĐ/TU ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị.

2. Quyết định số 2109/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về điều chỉnh Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 16-CTrHĐ/TU ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường

quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng TW Đảng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Ủy ban MTTQVN Thành phố;
- TT/UB: CT, các PCT;
- VPUB: các PCVP;
- Các Phòng NCTH;
- Lưu VT, (ĐT/NDD).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Minh Thạnh



KẾ HOẠCH

Triển khai Nghị quyết số 208/NQ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ và Kế hoạch số 125-KH/TU ngày 27 tháng 8 năm 2026 của Thành ủy thực hiện Kết luận số 75-KL/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng và Chương trình hành động số 31-CTr/TW ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới

(Kèm theo Quyết định số 7138 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Triển khai các nhiệm vụ Thành phố được phân công tại Nghị quyết số 208/NQ-CP và cụ thể hóa đầy đủ, kịp thời và mục tiêu, chỉ tiêu, các giải pháp trọng tâm Thành phố cần đạt được đến năm 2030 được nêu tại Kế hoạch số 125-KH/TU ngày 27 tháng 8 năm 2026 của Thành ủy thực hiện Kết luận số 75-KL/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng và Chương trình hành động số 31-CTr/TW ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới thành các nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án, phân công rõ trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, tiến độ, sản phẩm; nâng cao công tác bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

b) Cập nhật các nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án triển khai Chương trình hành động số 16-CTrHĐ/TU ngày 27 tháng 05 năm 2022 của Thành ủy về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị;

c) Bảo đảm sự thống nhất đồng thời kế thừa, lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu về môi trường, tăng trưởng xanh đã xác định tại Chương trình, Kế hoạch về bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu đã được ban hành;

d) Làm cơ sở cho công tác lãnh đạo, điều hành, phân bổ nguồn lực, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; kịp thời phát hiện, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với tình hình thực tiễn.

2. Yêu cầu

a) Bám sát quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kết luận số 75-KL/TW, Kế hoạch số 125-KH/TU ngày 27 tháng 8 năm 2026 của Thành ủy, bảo đảm thống nhất, đồng bộ với các nhiệm vụ triển khai Chương trình hành động số

21-CTrHĐ/TU ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW, Chương trình hành động số 03-CTrHĐ/TU ngày 14 tháng 11 năm 2025 về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ I nhiệm kỳ 2025 – 2030 và các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố; cập nhật, tiếp tục triển khai Chương trình hành động số 16-CTrHĐ/TU ngày 27 tháng 05 năm 2022 của Thành ủy về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị;

b) Nội dung Kế hoạch phải cụ thể, rõ việc, rõ cơ quan chủ trì, rõ tiến độ, rõ sản phẩm theo nguyên tắc “06 rõ” (“rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ, rõ sản phẩm, rõ nguồn lực”); bảo đảm khả thi, có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên xử lý dứt điểm các vấn đề môi trường bức xúc, kéo dài trên địa bàn;

c) Đề cao trách nhiệm của cơ quan chuyên môn, chính quyền địa phương, các đơn vị quản lý và người đứng đầu gắn với kiểm tra, giám sát; khuyến khích đổi mới sáng tạo trong công tác bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu

1.1. Đến năm 2030

a) Nâng cao năng lực quản trị môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai; kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải lớn, tập trung xử lý các khu vực, vấn đề ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; từng bước giải quyết cơ bản tình trạng ô nhiễm môi trường, ngập úng; cải thiện chất lượng không khí, nguồn nước và môi trường sống. Nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm thiểu rủi ro thiên tai, bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn và khả năng chống chịu của Thành phố;

b) Thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn, các-bon thấp gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; quản lý, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên; bảo tồn, phục hồi các hệ sinh thái và đa dạng sinh học; phát triển hạ tầng xanh, không gian xanh và các giải pháp dựa vào tự nhiên; từng bước hình thành lối sống xanh, sản xuất và tiêu dùng bền vững.

1.2. Tầm nhìn đến năm 2045

Đến năm 2045, xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh có môi trường sống trong lành, chất lượng cao, hài hòa với thiên nhiên; hệ thống quản trị tài nguyên, môi trường hiện đại, thông minh; có năng lực thích ứng và chống chịu cao trước tác động của biến đổi khí hậu. Phát triển mạnh kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, các-bon thấp, phấn đấu đạt mức phát thải ròng bằng “0”; bảo tồn, phục hồi và phát huy giá trị các hệ sinh thái tự nhiên, đa dạng sinh học. Thành phố trở thành đô thị tiên phong, có vị thế trong khu vực về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

2. Chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030

Đảm bảo hoàn thành và nỗ lực hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu được đề ra tại Kế hoạch số 125-KH/TU ngày 27 tháng 8 năm 2026 của Thành ủy về thực hiện Kết luận số 75-KL/TW ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới. Chi tiết 18 chỉ tiêu đến năm 2030 và phân công thực hiện tại Phụ lục I đính kèm.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường công tác quản lý Nhà nước, phát huy vai trò của hệ thống chính trị, nâng cao nhận thức của doanh nghiệp và Nhân dân

1.1. Nhiệm vụ

a) Quán triệt, tuyên truyền sâu rộng Kết luận số 75-KL/TW, Kế hoạch số 125-KH/TU trong toàn hệ thống chính trị và tầng lớp nhân dân; tăng cường công tác quản lý nhà nước và phát huy vai trò của hệ thống chính trị trong triển khai thực hiện và hoàn thành các chỉ tiêu bảo vệ môi trường và biến đổi khí hậu của Thành phố;

b) Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng, cơ quan báo chí, truyền thông trong tuyên truyền, vận động, giám sát, phản biện xã hội; huy động sự tham gia thực chất, có trách nhiệm của doanh nghiệp, cộng đồng dân cư và Nhân dân trong xây dựng, thực hiện và giám sát các chủ trương, chính sách về bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

1.2. Giải pháp

a) Đưa nội dung bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu vào chương trình, kế hoạch công tác hằng năm và gắn với tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương;

b) Triển khai sâu rộng phong trào thi đua "Toàn dân chung tay bảo vệ môi trường, vì một Thành phố Hồ Chí Minh xanh - sạch - đẹp" giai đoạn 2026-2030; tiếp tục phát huy, nhân rộng các mô hình thiết thực về bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu phù hợp với từng địa bàn, cộng đồng dân cư;

c) Đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, trách nhiệm và thúc đẩy thay đổi hành vi; hình thành, lan tỏa lối sống xanh, tiêu dùng xanh, bền vững; phát hiện, biểu dương, nhân rộng các mô hình hay, cách làm hiệu quả.

2. Hoàn thiện thể chế, chính sách; nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi; tăng cường kiểm tra, giám sát

2.1. Nhiệm vụ

a) Rà soát, kiến nghị hoàn thiện các quy định về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách đặc thù áp dụng trên địa bàn Thành phố;

b) Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường; nâng cao hiệu quả phòng ngừa, phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, đảm bảo các chỉ tiêu bảo vệ môi trường của Thành phố.

2.2. Giải pháp

a) Phối hợp với các Bộ ngành rà soát, kiến nghị hoàn thiện các quy định về bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu; nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách đặc thù trong khuôn khổ Luật phát triển Đô thị và các cơ chế vượt trội theo Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển Thành phố Hồ Chí Minh trong kỷ nguyên mới;

b) Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương trong quản lý, kiểm soát nguồn thải; kết hợp chặt chẽ giữa tiền kiểm gắn với tăng cường hậu kiểm dựa trên mức độ tuân thủ, nâng cao tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của doanh nghiệp; Đồng thời, tăng cường hướng dẫn, đối thoại, hỗ trợ doanh nghiệp nhận diện, phòng ngừa rủi ro, nâng cao mức độ tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường;

c) Nghiên cứu, đề xuất cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với các mô hình, giải pháp, công nghệ mới trong bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu;

d) Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các địa phương có liên quan nghiên cứu, từng bước áp dụng công cụ quản lý tổng tải lượng chất ô nhiễm theo lưu vực sông liên tỉnh; tăng cường quản lý, giám sát liên tục theo thời gian thực đối với các nguồn phát sinh nước thải, khí thải lớn trên địa bàn; chủ động phòng ngừa, kiểm soát, không để phát sinh mới các khu vực ô nhiễm môi trường nghiêm trọng;

đ) Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường; đồng thời, tăng cường hướng dẫn, đối thoại, hỗ trợ doanh nghiệp nhận diện, phòng ngừa rủi ro, nâng cao mức độ tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

3.1. Nhiệm vụ

Bảo đảm nguồn lực tài chính và các nguồn lực xã hội hóa để triển khai Kế hoạch, tỷ lệ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trong tổng chi ngân sách Thành phố hằng năm đạt trên 3% và đảm bảo chỉ tiêu tỷ trọng kinh tế xanh trên GRDP Thành phố đạt từ 10% trở lên.

3.2. Giải pháp

a) Bố trí tối thiểu 3% tổng chi ngân sách Thành phố hằng năm cho sự nghiệp bảo vệ môi trường; ưu tiên nguồn lực cho các nhiệm vụ, chương trình, dự án trọng điểm, cấp bách về xử lý ô nhiễm môi trường, thu gom, xử lý nước thải, chất thải,

giảm ngập; đầu tư nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống quan trắc khí tượng thủy văn, tài nguyên nước và chất lượng môi trường, phục vụ giám sát, dự báo, cảnh báo sớm ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, thiên tai và các hiện tượng khí hậu cực đoan;

b) Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả triển khai các dự án đầu tư công bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu; đẩy mạnh huy động, đa dạng hóa và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội, nguồn vốn quốc tế, tài chính xanh, tín dụng xanh, trái phiếu xanh, các quỹ khí hậu và các nguồn lực hợp pháp khác; tăng cường hợp tác công - tư trong đầu tư hạ tầng, cung cấp dịch vụ môi trường và các dự án thích ứng với biến đổi khí hậu;

c) Trình Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành theo thẩm quyền hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền các cơ chế, chính sách khuyến khích, ưu đãi về tài chính, tín dụng, đất đai, khoa học, công nghệ thuộc thẩm quyền nhằm thu hút các thành phần kinh tế tham gia đầu tư bảo vệ môi trường, chuyển đổi xanh và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; ưu tiên các dự án xử lý ô nhiễm, công nghệ môi trường, công nghệ xanh, phát thải thấp và các vấn đề môi trường cấp bách của Thành phố;

d) Huy động nguồn lực xã hội triển khai các dự án xử lý ô nhiễm môi trường, quan trắc môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai.

4. Tập trung giải quyết các vấn đề bức xúc về môi trường; chủ động phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường sống

4.1. Nhiệm vụ

Xử lý dứt điểm các điểm nóng, vấn đề bức xúc về ô nhiễm không khí, nguồn nước và chất thải rắn sinh hoạt, đảm bảo chỉ tiêu tỷ lệ số ngày trong năm có chỉ số chất lượng không khí (AQI) ở mức tốt và trung bình đạt từ 80% trở lên; chỉ tiêu tỷ lệ cụm công nghiệp có nước thải được xử lý đạt quy chuẩn môi trường đạt 100%; chỉ tiêu tỷ lệ nước thải sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn môi trường đạt trên 70%; chỉ tiêu tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý đạt 100%; chỉ tiêu tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt ở khu vực nông thôn được thu gom, xử lý đạt 100%; chỉ tiêu tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp so với lượng thu gom dưới 10%.

4.2. Giải pháp

a) Thường xuyên rà soát, có kế hoạch giải quyết có trọng tâm, trọng điểm các vấn đề ô nhiễm môi trường, nhất là ô nhiễm không khí tại các khu vực đô thị, khu vực có mật độ dân cư và giao thông cao; ô nhiễm nguồn nước tại các lưu vực sông, kênh, rạch; ô nhiễm tại các khu, cụm công nghiệp, làng nghề và khu vực tồn lưu hóa chất. Tăng cường kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm, tập trung xử lý các cơ sở, khu vực ô nhiễm môi trường kéo dài; không để phát sinh mới các khu vực ô nhiễm môi trường nghiêm trọng;

b) Rà soát, xử lý dứt điểm và ngăn ngừa tái phát các điểm tồn lưu chất thải, chất thải công nghiệp, phế thải xây dựng, các điểm tập kết chất thải không đúng quy định gây mất vệ sinh môi trường tại địa phương;

c) Thực hiện hiệu quả phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn gắn với thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế và xử lý đồng bộ; giảm thiểu chất thải nhựa, hạn chế sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần. Đầu tư, hoàn thiện hạ tầng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải; phát triển các khu liên hợp, cơ sở xử lý chất thải theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ tiên tiến, đẩy mạnh tái chế, thu hồi năng lượng, giảm mạnh tỷ lệ chôn lấp trực tiếp chất thải rắn sinh hoạt; xử lý và ngăn ngừa tái phát các điểm tập kết chất thải không đúng quy định;

d) Chủ động phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm không khí, tiếng ồn và các nguồn ô nhiễm mới phát sinh; từng bước nâng cao chất lượng môi trường sống của nhân dân;

đ) Quản lý phát thải từ hoạt động giao thông: thiết lập và triển khai thực hiện “vùng phát thải thấp” (LEZ), tiến tới hạn chế phương tiện giao thông không đáp ứng tiêu chuẩn khí thải; xây dựng phương án khuyến khích việc chuyển đổi phương tiện sang sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường đối với các tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt liên tỉnh và các tuyến vận tải hành khách cố định;

e) Đầu tư, nâng cấp, hiện đại hóa và vận hành đồng bộ mạng lưới quan trắc môi trường của Thành phố; tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu với mạng lưới quan trắc môi trường quốc gia; ưu tiên các khu vực ô nhiễm, chịu áp lực môi trường lớn và dễ bị tổn thương do tác động của biến đổi khí hậu. Kiểm soát, giảm thiểu nguồn phát sinh khí thải từ hoạt động công nghiệp; tăng cường rà soát, kiểm tra, giám sát hệ thống quan trắc tự động, liên tục nước thải, khí thải. Theo đó, yêu cầu các cơ sở thuộc đối tượng phải quan trắc tự động liên tục nhưng chưa lắp đặt, kết nối, truyền dữ liệu hoặc bị gián đoạn truyền dữ liệu do bị cơ quan điều tra tạm giữ thiết bị, thiết bị hư hỏng; khẩn trương đầu tư, khắc phục và thực hiện đúng quy định; tăng cường xử lý các trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường;

g) Tăng cường công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, sự đồng thuận và tham gia của các tổ chức, doanh nghiệp, người dân trong công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt (giảm thiểu phát sinh, phân loại, thu gom, xử lý rác thải). Nâng cao hiệu quả công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt trong phạm vi, lĩnh vực và địa bàn được giao quản lý, phụ trách; Triển khai sử dụng hình ảnh từ hệ thống camera giám sát để phát hiện, nhắc nhở và xử lý các hành vi vi phạm về vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật;

h) Tăng cường thu gom, xử lý nước thải đô thị, công nghiệp, y tế và các nguồn nước thải có nguy cơ gây ô nhiễm; ưu tiên cải thiện chất lượng nước các sông, kênh, rạch gắn với chỉnh trang đô thị, cải thiện cảnh quan và môi trường sống;

i) Chủ động phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm không khí, tiếng ồn và các nguồn ô nhiễm mới phát sinh; từng bước nâng cao chất lượng môi trường sống của nhân dân;

k) Đẩy mạnh các giải pháp bảo vệ môi trường nông thôn; tăng cường thu gom, phân loại và xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải trong sản xuất nông nghiệp; tăng cường việc tái sử dụng, tuần hoàn chất thải nông nghiệp; thúc đẩy phát triển nông nghiệp xanh, nông nghiệp sinh thái, kinh tế tuần hoàn;

l) Thực hiện các giải pháp đảm bảo chỉ tiêu tỷ lệ rác sinh hoạt được tái chế, xử lý bằng công nghệ mới trên 90% đến năm 2030 để đạt được mục tiêu tỉ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp so với lượng thu gom dưới 10%, tiếp tục hoàn thiện, nâng cấp, đầu tư mới các khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung; tăng tỷ lệ rác xử lý bằng công nghệ hiện đại, thu hồi năng lượng, đồng xử lý; giảm tỷ lệ chôn lấp; tập trung các dự án đầu tư chuyển đổi công nghệ của các nhà máy xử lý chất thải rắn hiện hữu và đầu tư mới nhà máy bằng công nghệ tiên tiến hiện đại, hạn chế chôn lấp.

5. Bảo tồn thiên nhiên, phục hồi hệ sinh thái, đa dạng sinh học; quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên

5.1. Nhiệm vụ

a) Tiếp tục thực hiện quản lý rừng bền vững; khai thác, sử dụng rừng gắn với bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn các loài, nguồn gen quý, hiếm; nâng cao giá trị kinh tế, giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng; hài hòa các mục tiêu về kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường;

b) Đảm bảo tỷ lệ che phủ rừng đạt 11% vào năm 2030. Trong bối cảnh diện tích rừng hiện có đạt 72.720 ha (tỷ lệ 10,74%), Thành phố xác định nhiệm vụ từ nay đến năm 2030 cần phải trồng mới, phục hồi, tổ chức tăng thêm ít nhất 4.460 ha để đảm bảo đạt mục tiêu che phủ đề ra.

5.2. Giải pháp

a) Xây dựng và triển khai Đề án quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn Thành phố đến năm 2030. Bảo vệ nghiêm ngặt, phục hồi và phát huy giá trị các hệ sinh thái tự nhiên, trọng tâm là rừng ngập mặn Cần Giờ, Khu Dự trữ sinh quyển thế giới, các khu bảo tồn thiên nhiên, vùng đất ngập nước, hệ sinh thái biển, ven biển và các khu vực có giá trị đa dạng sinh học; bảo tồn các loài, nguồn gen quý, hiếm; phát huy giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng, hài hòa giữa bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ môi trường với phát triển kinh tế - xã hội bền vững; mở rộng, nâng cao hiệu quả quản lý di sản thiên nhiên; phát triển bền vững các-bon xanh;

b) Tập trung bảo vệ, phục hồi nguồn nước mặt, hệ thống sông, kênh, rạch bị suy thoái, ô nhiễm trên địa bàn Thành phố. Đảm bảo vững chắc an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước đúng theo tinh thần Kết luận số 36-KL/TW ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Bộ Chính trị và Chương trình hành động số 20-CTrHD/TU ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Ban Thường vụ Thành ủy;

c) Phát triển đồng bộ hệ thống công viên, cây xanh, mặt nước, hành lang sinh thái và không gian xanh theo quy hoạch; phát huy giá trị thiên nhiên, sinh thái, đa dạng sinh học, phát triển hạ tầng xanh tại đô thị, khu dân cư trong lập và thực hiện các quy hoạch. Đẩy mạnh phát triển cây xanh trên địa bàn Thành phố; thực hiện cơ chế lồng ghép, bổ sung diện tích rừng trồng trong các dự án hạ tầng

đô thị xanh và tối ưu hóa việc sử dụng quỹ đất công ích, đất công chưa sử dụng trên địa bàn nhằm mở rộng tối đa không gian xanh, góp phần hoàn thành chỉ tiêu tăng tỷ lệ che phủ rừng;

d) Triển khai các dự án thu gom nước thải, xây dựng nhà máy xử lý nước thải đô thị, các dự án nạo vét cải tạo nhằm phục hồi chất lượng nước sông, kênh rạch;

đ) Tăng cường công tác điều tra cơ bản, quy hoạch, quản lý, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, bền vững tài nguyên đất, nước, khoáng sản và tài nguyên biển, bảo đảm an ninh tài nguyên gắn với mục tiêu bảo vệ môi trường; đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng, kết nối, cập nhật và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu tài nguyên, bảo đảm đồng bộ, liên thông, phục vụ công tác quản lý, giám sát và ra quyết định;

e) Tập trung tổ chức khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên, phục hồi sinh thái có kết hợp trồng bổ sung cây bản địa tại các khu vực rừng phòng hộ, rừng đặc dụng (trọng tâm là Rừng ngập mặn Cần Giờ và các khu rừng ngập mặn ven biển); song song đó, triển khai mạnh mẽ các dự án trồng mới rừng phòng hộ tại các vùng đất trống, bãi bồi, bờ sông bờ biển. Tập trung triển khai hiệu quả các chương trình trọng điểm “Vì Cần Giờ xanh” gắn với bảo tồn Khu dự trữ sinh quyển thế giới. Phối hợp liên vùng chặt chẽ hỗ trợ thực hiện chương trình “Vì Côn Đảo xanh” gắn liền với định hướng bảo tồn khu bảo tồn biển tầm nhìn dài hạn;

g) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ viễn thám, hệ thống thông tin địa lý (GIS), phần mềm FRMS 4.0 và thiết bị bay không người lái để giám sát biến động rừng và cảnh báo sớm cháy rừng theo thời gian thực; xây dựng, kết nối, cập nhật và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu tài nguyên, bảo đảm đồng bộ, liên thông, phục vụ công tác quản lý, giám sát và hoạch định chính sách;

h) Tăng cường quản lý, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, bền vững tài nguyên đất, tài nguyên nước và các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác.

6. Chủ động thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu, giảm thiểu rủi ro thiên tai, nâng cao mức độ an toàn và khả năng chống chịu của Thành phố

6.1. Nhiệm vụ

Chủ động thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu; nâng cao khả năng chống chịu thiên tai của người dân, đảm bảo chỉ tiêu tỷ lệ số hộ dân thuộc khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở an toàn đạt từ 70% trở lên; chỉ tiêu tỷ lệ các hộ dân sinh sống ở nơi có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất được di dời đến nơi an toàn đạt từ 80% trở lên.

6.2. Giải pháp

a) Xây dựng, cập nhật kịch bản biến đổi khí hậu của Thành phố trên cơ sở kịch bản biến đổi khí hậu quốc gia; đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; cập nhật Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2075;

b) Rà soát, cập nhật kế hoạch phòng, chống thiên tai và các phương án phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai phù hợp với điều kiện tự nhiên, địa hình, thủy văn và đặc điểm rủi ro của từng khu vực; tăng cường quản trị rủi ro, nâng cao khả năng chống chịu trước các tác động của biến đổi khí hậu và thiên tai. Xây dựng và triển khai phương án di dời dân cư khỏi khu vực có nguy cơ rủi ro thiên tai cao. Phát huy vai trò của lực lượng vũ trang Thành phố trong thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, sự cố, thảm họa; tham gia phòng ngừa, ứng phó, sơ tán, di dời Nhân dân, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ và khắc phục hậu quả; phối hợp bảo vệ nguồn nước, rừng, hệ sinh thái và xử lý các tình huống môi trường theo chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu của cấp có thẩm quyền;

c) Tích hợp đầy đủ yêu cầu thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai vào Quy hoạch tổng thể Thành phố thời kỳ 2025-2050, tầm nhìn 100 năm và các quy hoạch có liên quan; tổ chức không gian phát triển đồng bộ với hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, nhất là hạ tầng thủy lợi, cấp nước, thoát nước; xác định, quản lý hiệu quả các lưu vực tiêu thoát nước, không gian trữ nước, điều tiết nước, hành lang thoát lũ, góp phần giảm ngập, sụt lún và các rủi ro do biến đổi khí hậu. Phát triển các mô hình đô thị, khu dân cư, sản xuất nông nghiệp có khả năng thích ứng, chống chịu với biến đổi khí hậu;

d) Rà soát, đánh giá tổng thể nhu cầu đầu tư, cơ cấu nguồn lực và hiệu quả đầu tư hạ tầng phòng, chống thiên tai, chống ngập và bảo đảm an ninh nguồn nước; ưu tiên các công trình trọng điểm, liên vùng. Tập trung đầu tư, hoàn thiện hệ thống đê bao, cống kiểm soát triều, thoát nước, thủy lợi và các công trình phòng, chống thiên tai; nâng cao năng lực tích trữ, điều hòa, phân phối, cấp nước an toàn; từng bước giải quyết tình trạng ngập úng do mưa lớn, triều cường, chủ động kiểm soát xâm nhập mặn. Tăng cường phối hợp liên vùng trong quản lý nguồn nước, vận hành, điều tiết hồ Dầu Tiếng, hồ Trị An và các hồ chứa có liên quan, giảm thiểu tác động đến khu vực hạ du Thành phố;

đ) Hiện đại hóa mạng lưới quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng của Thành phố; tăng cường kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu, ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số nhằm nâng cao năng lực theo dõi, dự báo, cảnh báo sớm thiên tai, các hiện tượng khí hậu cực đoan và hỗ trợ kịp thời công tác chỉ đạo, điều hành, ứng phó;

e) Nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ; bảo đảm nguồn nhân lực, trang thiết bị, phương tiện, vật tư thiết yếu phù hợp với từng loại hình thiên tai và địa bàn, nhất là khu vực có nguy cơ cao. Tăng cường đào tạo, huấn luyện, diễn tập các phương án ứng phó với thiên tai, sự cố, thảm họa; nâng cao năng lực chỉ huy, điều hành, thông tin, cảnh báo, sơ tán, huy động lực lượng, phương tiện và bảo đảm hậu cần, kỹ thuật; chủ động bố trí lực lượng, phương tiện để ứng phó, khắc phục kịp thời hậu quả thiên tai.

7. Đẩy mạnh chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp, tăng cường quản lý phát thải khí nhà kính

7.1. Nhiệm vụ

Thúc đẩy chuyển đổi mô hình tăng trưởng xanh và tăng cường quản lý phát thải khí nhà kính nhằm đạt chỉ tiêu tỷ trọng kinh tế xanh trên GRDP Thành phố đạt từ 10% trở lên; chỉ tiêu tỷ lệ khu công nghiệp trên địa bàn Thành phố chuyển đổi theo hướng khu công nghiệp sinh thái, mô hình khu công nghiệp sinh thái đạt từ 10% trở lên; chỉ tiêu tỷ lệ các nguồn năng lượng tái tạo so với công suất cực đại của hệ thống điện Thành phố đạt từ 30% trở lên; chỉ tiêu giảm tiêu hao năng lượng tính trên GRDP mỗi năm đạt 1 - 1,5%; chỉ tiêu số công trình xây dựng xanh được chứng nhận trên địa bàn Thành phố đạt từ 500 công trình trở lên; chỉ tiêu giảm phát thải khí nhà kính của Thành phố so với kịch bản phát triển thông thường đạt từ 9% trở lên.

7.2. Giải pháp

a) Thúc đẩy chuyển đổi các ngành, lĩnh vực kinh tế của Thành phố theo hướng xanh, tuần hoàn, phát thải các-bon thấp, phù hợp với mô hình tăng trưởng mới và lộ trình thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng "0"; đẩy mạnh sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên, năng lượng, tuần hoàn vật liệu và sản phẩm trong chuỗi giá trị; thúc đẩy sản xuất, tiêu dùng bền vững;

b) Ưu tiên phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, công trình xanh, giao thông xanh, khu công nghiệp sinh thái, khu vực phát thải thấp; thúc đẩy đổi mới công nghệ, chuyển đổi quy trình sản xuất, kinh doanh theo hướng xanh, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải. Thực hiện các giải pháp hỗ trợ phù hợp đối với người lao động, doanh nghiệp và các đối tượng chịu tác động trong quá trình chuyển đổi xanh, bảo đảm chuyển đổi công bằng, hài hòa giữa mục tiêu môi trường, kinh tế và xã hội;

c) Kiểm soát chặt chẽ phát thải khí nhà kính ngay từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án, trong toàn bộ vòng đời sản phẩm và hoạt động tiêu dùng của xã hội theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Tăng cường quản lý, hướng dẫn, kiểm tra việc kiểm kê và thực hiện các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính đối với các cơ sở thuộc đối tượng phải kiểm kê trên địa bàn Thành phố. Xây dựng kịch bản phát triển thông thường (BAU) của Thành phố theo phương pháp luận phù hợp với đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) của Việt Nam và đánh giá mức giảm phát thải khí nhà kính của Thành phố; quản lý hoạt động trao đổi tín chỉ các-bon theo thẩm quyền và theo quy định;

d) Tăng cường quản lý, hướng dẫn, kiểm tra việc kiểm kê và thực hiện các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính đối với các cơ sở thuộc đối tượng phải kiểm kê trên địa bàn Thành phố; xây dựng, cập nhật dữ liệu phát thải, phục vụ theo dõi, đánh giá kết quả giảm phát thải và thực hiện các mục tiêu về biến đổi khí hậu. Chủ động triển khai các cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền, thúc đẩy các tổ chức, doanh nghiệp tham gia thị trường các-bon; quản lý hoạt động trao đổi tín chỉ các-bon theo quy định.

8. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đào tạo nguồn nhân lực phục vụ bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu

8.1. Nhiệm vụ

Phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số, đào tạo nguồn nhân lực phục vụ bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu tạo nền tảng thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, hỗ trợ hoàn thành các chỉ tiêu về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của Thành phố.

8.2. Giải pháp

a) Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và từng bước làm chủ công nghệ tiên tiến trong quan trắc, giám sát, dự báo, cảnh báo môi trường và biến đổi khí hậu; xử lý chất thải, tái chế, sử dụng năng lượng tái tạo, tiết kiệm tài nguyên và giảm phát thải; giống, kỹ thuật nuôi, trồng hiện đại, năng suất cao, phát thải thấp. Nghiên cứu, phát triển công nghệ thu hồi, lưu giữ và tái sử dụng các-bon, ứng dụng công nghệ các - bon thấp trong các ngành, lĩnh vực; thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh chuyển đổi số, nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, viễn thám và các nền tảng số trong quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu;

b) Xây dựng, hoàn thiện, kết nối và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu về tài nguyên, môi trường và biến đổi khí hậu của Thành phố, bảo đảm đồng bộ, liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định, phục vụ hoạch định chính sách, quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát, dự báo, cảnh báo và cung cấp thông tin;

c) Tăng cường liên kết giữa cơ quan quản lý nhà nước, viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp trong nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và thương mại hóa công nghệ. Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác quản lý tài nguyên, môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, nhất là ở cấp xã; có cơ chế phù hợp để thu hút, trọng dụng chuyên gia, nhà khoa học, nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực môi trường, biến đổi khí hậu và công nghệ xanh.

9. Đẩy mạnh liên kết vùng, hợp tác và hội nhập quốc tế

9.1. Nhiệm vụ

Mở rộng hợp tác liên vùng và quốc tế nhằm huy động nguồn lực, kinh nghiệm, công nghệ, trực tiếp hỗ trợ thực hiện các chỉ tiêu về bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu.

9.2. Giải pháp

a) Tăng cường liên kết, phối hợp với các tỉnh, thành phố vùng Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long và các địa phương có liên quan trong quản lý, bảo vệ môi trường, tài nguyên nước, bảo tồn hệ sinh thái và ứng phó với biến đổi khí hậu; hoàn thiện cơ chế phối hợp, chia sẻ dữ liệu, quan trắc, dự báo, cảnh báo và xử lý các vấn đề môi trường, sự cố môi trường có tính liên vùng; nâng cao hiệu quả quản lý tổng hợp lưu vực sông và các hệ sinh thái liên vùng;

b) Chủ động, tích cực mở rộng hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và chuyển đổi xanh; tham gia các sáng kiến, chương trình, mạng lưới và cơ chế hợp tác khu vực, quốc tế phù hợp với quy định, thẩm quyền và vị thế của Thành phố nhằm trao đổi kinh nghiệm, tiếp nhận, chuyển giao công nghệ xanh, công nghệ tiên tiến, huy động nguồn lực và triển khai các chương trình, dự án về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững;

c) Nâng cao năng lực nghiên cứu, dự báo, đánh giá tác động và chủ động thích ứng với các tiêu chuẩn, quy định, yêu cầu về môi trường, khí hậu và phát triển bền vững trong thương mại, đầu tư quốc tế; hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực đáp ứng các tiêu chuẩn xanh, giảm phát thải, nâng cao sức cạnh tranh và tham gia hiệu quả chuỗi giá trị toàn cầu.

(Danh mục các nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án trọng tâm tại Phụ lục II đính kèm)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu:

1.1. Trong năm 2026: căn cứ chức năng, nhiệm vụ và nội dung phân công tại Kế hoạch này, khẩn trương xây dựng kế hoạch thực hiện của cơ quan, đơn vị, địa phương, cụ thể hóa giải pháp, lộ trình, sản phẩm và nguồn lực đối với từng chỉ tiêu, nhiệm vụ được phân công chủ trì tại Phụ lục I và Phụ lục II; phân kỳ thực hiện theo từng năm đối với các chỉ tiêu có thể lượng hóa theo năm; Tổ chức thực hiện đồng bộ với các chương trình, kế hoạch khác về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của Thành phố; Chủ động đề xuất, bố trí nguồn lực, lồng ghép với các chương trình, đề án, dự án có liên quan để thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm; tập trung xử lý các điểm nóng, vấn đề bức xúc về môi trường.

1.2. Giai đoạn 2027-2030: tổ chức triển khai hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp theo Kế hoạch, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra; định kỳ hằng năm rà soát, đánh giá kết quả, cập nhật lộ trình thực hiện các chỉ tiêu được phân công; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Kế hoạch.

1.3. Giai đoạn sau năm 2030 đến năm 2045: tiếp tục triển khai các nhiệm vụ, giải pháp có tính chiến lược, dài hạn; rà soát, cập nhật mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với chủ trương của Trung ương, của Thành ủy, tình hình thực tiễn và định hướng phát triển Thành phố; tập trung thực hiện chuyển đổi xanh, nâng cao khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu, cải thiện chất lượng môi trường, hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng “0” theo tầm nhìn đến năm 2045.

1.4. Chế độ báo cáo:

a) Định kỳ tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ, mức độ hoàn thành các chỉ tiêu được phân công, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định, cụ thể:

- Báo cáo định kỳ hằng năm: gửi trước ngày 30 tháng 11, bắt đầu từ năm 2026;

- Báo cáo sơ kết: gửi trước ngày 30 tháng 11 năm 2028;

- Báo cáo tổng kết: gửi trước ngày 30 tháng 11 năm 2030;

- Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố trước ngày 25 tháng 12 hằng năm.

1.5. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố về kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao.

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Là cơ quan đầu mối tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai, theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện Kế hoạch; định kỳ hằng năm tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện, tham mưu báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu; kịp thời tổng hợp, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố giải quyết các khó khăn, vướng mắc, phát sinh vượt thẩm quyền;

- Chủ trì các chỉ tiêu số 2, 3, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 18 tại Phụ lục I và các nhiệm vụ được giao tại Phụ lục II; trong đó tập trung: xây dựng Đề án quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đến năm 2030 và lộ trình trồng rừng theo từng năm 2026-2030; cập nhật kịch bản biến đổi khí hậu và Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2075; hoàn thiện cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường và biến đổi khí hậu; xây dựng kịch bản phát triển thông thường (BAU), quản lý kiểm kê khí nhà kính và hoạt động trao đổi tín chỉ các-bon theo thẩm quyền; xây dựng kịch bản ứng phó với các đợt ô nhiễm không khí nghiêm trọng; theo dõi, báo cáo chỉ tiêu chất lượng không khí theo Nghị quyết số 208/NQ-CP;

- Chủ trì triển khai nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách đặc thù về môi trường trong khuôn khổ Luật Phát triển Đô thị và các cơ chế vượt trội theo Nghị quyết số 09-NQ/TW.

b) Sở Tài chính

Chủ trì các chỉ tiêu số 1, 13 tại Phụ lục I và các nhiệm vụ được giao tại Phụ lục II; trong đó tập trung: phối hợp Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng phương pháp xác định tỷ trọng kinh tế xanh trên GRDP; tham mưu bố trí ngân sách bảo đảm chỉ tiêu chi sự nghiệp bảo vệ môi trường; xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi về tài chính, tín dụng, đất đai, khoa học, công nghệ; huy động các nguồn lực xã hội, vốn quốc tế, tài chính xanh, hợp tác công - tư.

c) Sở Công Thương

Chủ trì các chỉ tiêu số 4, 15, 16 tại Phụ lục I và các nhiệm vụ được giao tại Phụ lục II; trong đó tập trung: xác định lộ trình, giải pháp đạt tỷ lệ năng lượng tái tạo 30% đến năm 2030, ưu tiên điện gió, điện mặt trời (bao gồm điện mặt trời mái

nhà), điện rác; xây dựng Đề án chuyển đổi các ngành kinh tế theo hướng xanh, tuần hoàn, phát thải các-bon thấp; triển khai kinh tế tuần hoàn, phát triển công nghiệp môi trường, công nghiệp tái chế; đôn đốc đầu tư, vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung cụm công nghiệp.

d) Sở Xây dựng

Chủ trì các chỉ tiêu số 5, 17 tại Phụ lục I và các nhiệm vụ được giao tại Phụ lục II; trong đó tập trung: trong quý IV năm 2026 xây dựng lộ trình, danh mục đề án, dự án thu gom, xử lý nước thải đô thị giai đoạn 2026-2030 bảo đảm chỉ tiêu trên 70%; chương trình phát triển công trình xây dựng xanh; thoát nước, chống ngập, đô thị chống chịu với biến đổi khí hậu; giao thông xanh, vùng phát thải thấp; công viên, cây xanh công cộng và hạ tầng xanh đô thị.

đ) Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố

Chủ trì chỉ tiêu số 14 tại Phụ lục I; hoàn thành Đề án chuyển đổi khu công nghiệp theo hướng sinh thái trong năm 2026; kiểm soát nguồn thải, tổ chức thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ về môi trường trong phạm vi quản lý.

e) Sở Nội vụ

Chủ trì đưa nội dung bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu vào tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và thi đua, khen thưởng; biểu dương, nhân rộng mô hình hay; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhất là cấp xã; chính sách đãi ngộ, thu hút chuyên gia; đào tạo lại, chuyển đổi nghề cho người lao động trong quá trình chuyển đổi xanh.

g) Sở Quy hoạch - Kiến trúc

Chủ trì tích hợp yêu cầu thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai vào Quy hoạch tổng thể Thành phố thời kỳ 2025-2050, tầm nhìn 100 năm (hoàn thành tháng 10/2026); bảo đảm không gian xanh, mặt nước, hành lang thoát lũ trong các đồ án quy hoạch.

h) Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì lồng ghép kiến thức, kỹ năng về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai vào hoạt động giáo dục trong nhà trường.

i) Sở Y tế

Chủ trì quản lý chất thải y tế, thu gom, xử lý nước thải y tế tại các cơ sở y tế theo quy định.

k) Công an Thành phố

Chủ trì phòng ngừa, đấu tranh, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường; phối hợp thanh tra, kiểm tra, kiểm soát nguồn thải và bảo đảm an ninh, an toàn dữ liệu môi trường góp phần hoàn thành các chỉ tiêu về bảo vệ môi trường của Thành phố.

l) Bộ Tư lệnh Thành phố

- Huy động, phát triển nguồn nhân lực và tăng cường đầu tư trang thiết bị, phương tiện, vật tư thiết yếu, chuyên dùng phục vụ công tác cứu nạn, cứu hộ phù hợp với từng tình huống thiên tai, từng địa bàn, nhất là các khu vực có nguy cơ cao; thường xuyên đào tạo, huấn luyện chuyên sâu cho lực lượng phòng, chống thiên tai, cứu nạn, cứu hộ chuyên trách và các lực lượng tại chỗ của địa phương; tổ chức diễn tập theo các phương án phòng ngừa, ứng phó thiên tai, sự cố, thảm họa; chú trọng tình huống xảy ra đồng thời, liên tiếp hoặc trên phạm vi rộng; kiểm tra khả năng chỉ huy, điều hành, thông tin liên lạc, cảnh báo, sơ tán, di dời nhân dân, huy động và cơ động lực lượng, phương tiện, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ và bảo đảm hậu cần, kỹ thuật; kịp thời bổ sung, điều chỉnh phương án sau mỗi lần diễn tập; đầu tư lực lượng, phương tiện ứng phó, khắc phục kịp thời thiệt hại khi có thiên tai xảy ra; phát triển các mô hình đô thị, nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Phối hợp, phát huy vai trò của lực lượng vũ trang Thành phố trong thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, sự cố, thảm họa; tham gia phòng ngừa, ứng phó, sơ tán, di dời Nhân dân, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ và khắc phục hậu quả; phối hợp bảo vệ nguồn nước, rừng, hệ sinh thái và xử lý các tình huống môi trường theo chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu của cấp có thẩm quyền;

- Phối hợp Sở Xây dựng thực hiện chỉ tiêu tỷ lệ số hộ dân thuộc khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở an toàn đạt từ 70% trở lên; và phối hợp Sở nông nghiệp và Môi trường thực hiện chỉ tiêu tỷ lệ các hộ dân sinh sống ở nơi có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất được di dời đến nơi an toàn đạt từ 80% trở lên.

m) Sở Tư pháp

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các Sở, ngành liên quan triển khai nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách đặc thù về môi trường trong khuôn khổ Luật phát triển Đô thị và các cơ chế vượt trội theo Nghị quyết số 09-NQ/TW.

n) Sở Ngoại vụ

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương, Sở Xây dựng và các cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác đối ngoại, kết nối đối tác và huy động nguồn lực quốc tế nhằm hỗ trợ thực hiện các chỉ tiêu về phát triển năng lượng tái tạo và giảm phát thải khí nhà kính của Thành phố.

o) Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, viễn thám phục vụ bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; thúc đẩy liên kết viện - trường - doanh nghiệp;

- Phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường triển khai các nghiên cứu cần thiết nhằm đánh giá chỉ tiêu giảm phát thải khí nhà kính của Thành phố so với kịch bản phát triển thông thường đạt từ 9% trở lên.

p) Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố

- Chủ trì triển khai các dự án xây dựng hạ tầng, nạo vét, cải tạo môi trường kênh rạch theo Quyết định số 2415/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình hành động số 15-CTrHĐ/TU của Thành ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng;

- Chủ trì triển khai kế hoạch nạo vét, cải tạo hệ thống kênh, sông, rạch định kỳ hàng năm nhằm đảm bảo năng lực tiêu thoát nước tự nhiên và cải thiện chất lượng nước sông, kênh, rạch;

- Phối hợp Sở Xây dựng thực hiện chỉ tiêu tỷ lệ nước thải sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn môi trường đạt 70%.

q) Ban Quản lý Khu công nghệ cao Thành phố

Chủ trì chuyển đổi số, chuyển đổi xanh Khu Công nghệ cao hướng đến mô hình phát thải ròng bằng “0”; kiểm soát nguồn thải, tổ chức thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ về môi trường trong phạm vi quản lý;

r) Học viện Cán bộ Thành phố

Chủ trì xây dựng Đề án hình thành thị trường tín chỉ các-bon trên địa bàn Thành phố (hoàn thành giai đoạn 2026-2027).

s) Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu

Tổ chức thực hiện trên địa bàn các nhiệm vụ về phân loại, thu gom chất thải rắn sinh hoạt; xử lý điểm tồn lưu chất thải; phong trào bảo vệ môi trường; lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai; phối hợp thực hiện các chỉ tiêu số 6, 7, 9, 10, 12 theo phạm vi quản lý.

t) Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức thành viên

- Chủ trì phong trào thi đua “Toàn dân chung tay bảo vệ môi trường, vì một Thành phố Hồ Chí Minh xanh - sạch - đẹp” giai đoạn 2026-2030; tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội trong thực hiện bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu của Thành phố;

- Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, chỉ đạo./.



Phụ lục I
DANH MỤC CHỈ TIÊU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ ỨNG PHÓ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Quyết định số 7138 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

TT	Chỉ tiêu quốc gia (theo Kết luận số 75-KL/TW)		Chỉ tiêu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh			Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
				Kế hoạch số 125-KH/TU của Thành ủy	Kế hoạch của UBND Thành phố		
1	Tỉ lệ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trong tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm.	Tối thiểu 2%	Tỉ lệ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trong tổng chi ngân sách Thành phố hằng năm	≥ 2%	> 3%	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu
2	Tỉ lệ các nguồn nước thải, khí thải lớn được quan trắc tự động, liên tục.	100%	Tỷ lệ các khu công nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục, truyền số liệu trực tiếp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường	100%	100%	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Công Thương, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp
3	Tỉ lệ số ngày trong năm có AQI ở mức tốt và trung bình ở các đô thị đặc biệt.	80%	Tỉ lệ số ngày trong năm có chỉ số chất lượng môi trường không khí (AQI) ở mức tốt và trung bình	≥ 80%	≥ 80%	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Xây dựng, Sở Công Thương
4	Tỉ lệ cụm công nghiệp có nước thải được xử lý đạt quy chuẩn môi trường.	100%	Tỷ lệ cụm công nghiệp có nước thải được xử lý đạt quy chuẩn môi trường	100%	100%	Sở Công Thương	Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Chỉ tiêu quốc gia (theo Kết luận số 75-KL/TW)		Chỉ tiêu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh			Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
				Kế hoạch số 125-KH/TU của Thành ủy	Kế hoạch của UBND Thành phố		
5	Tỉ lệ nước thải sinh hoạt đô thị tại đô thị đặc biệt và loại I được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn.	70%	Tỉ lệ nước thải sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn môi trường	$\geq 70\%$	$> 70\%$	Sở Xây dựng	Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và môi trường, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ban QLDA ĐTXD Hạ tầng đô thị; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu
6	Tỉ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý.	95%	Tỉ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý	100%	100%	Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Xây dựng; các Sở, ban ngành, đơn vị có liên quan
7	Tỉ lệ chất thải rắn sinh hoạt ở khu vực nông thôn được thu gom, xử lý.	85%	Tỉ lệ chất thải rắn sinh hoạt ở khu vực nông thôn được thu gom, xử lý	100%	100%	Ủy ban nhân dân các xã, đặc khu; Sở Nông nghiệp và Môi trường	
8	Tỉ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng chôn lấp trực tiếp so với lượng thu gom.	$< 30\%$	Tỉ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp so với lượng thu gom	$< 10\%$	$< 10\%$	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Xây dựng, Sở Khoa học và Công nghệ
9	Tỉ lệ che phủ rừng.	42%	Tỉ lệ che phủ rừng	11%	11%	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ủy ban nhân dân các xã, phường có rừng, đặc khu Côn Đảo

TT	Chỉ tiêu quốc gia (theo Kết luận số 75-KL/TW)		Chỉ tiêu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh			Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
				Kế hoạch số 125-KH/TU của Thành ủy	Kế hoạch của UBND Thành phố		
10	Tỉ lệ diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển so với diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia.	6%	Tỉ lệ diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển so với diện tích tự nhiên vùng biển Thành phố Hồ Chí Minh	2%	2%	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ủy ban nhân dân đặc khu Côn Đảo, Ban Quản lý Vườn Quốc gia Côn Đảo
11	Tỉ lệ số hộ dân thuộc khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở an toàn.	70%	Tỉ lệ số hộ dân thuộc khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở an toàn	$\geq 70\%$	$\geq 70\%$	Sở Xây dựng	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân các xã
12	Tỉ lệ các hộ dân sinh sống ở nơi có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất được di dời đến nơi an toàn.	80%	Tỉ lệ các hộ dân sinh sống ở nơi có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất được di dời đến nơi an toàn	$\geq 80\%$	$\geq 80\%$	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Tư lệnh Thành phố, Sở Xây dựng; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu (có nguy cơ)
13	Tỉ trọng kinh tế xanh trên GDP.	10%	Tỉ trọng kinh tế xanh GRDP Thành phố	$\geq 10\%$	$\geq 10\%$	Sở Tài chính	Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường
14	Tỉ lệ khu công nghiệp sinh thái trên cả nước.	10%	Tỷ lệ khu công nghiệp trên địa bàn Thành phố chuyển đổi theo hướng khu công nghiệp sinh thái, mô hình khu công nghiệp sinh thái	$\geq 10\%$	$\geq 10\%$	Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp (HEPZA)	Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu
15	Tỉ trọng năng lượng tái tạo trong tổng cung năng lượng sơ cấp.	26,1%	Tỷ lệ các nguồn năng lượng tái tạo so với công suất cực	$\geq 25\%$	30%	Sở Công Thương	EVNHCMC, Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Chỉ tiêu quốc gia (theo Kết luận số 75-KL/TW)		Chỉ tiêu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh			Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
				Kế hoạch số 125-KH/TU của Thành ủy	Kế hoạch của UBND Thành phố		
			đại của hệ thống điện Thành phố				
16	Giảm tiêu hao năng lượng tính trên GDP mỗi năm.	1-1,5%	Giảm tiêu hao năng lượng tính trên GRDP mỗi năm trên địa bàn Thành phố	1-1,5%	1-1,5%	Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ
17	Số công trình xây dựng xanh được chứng nhận trên cả nước.	1.200	Số công trình xây dựng xanh được chứng nhận trên địa bàn Thành phố	≥ 500 công trình	≥ 500 công trình	Sở Xây dựng	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương
18	Giảm phát thải khí nhà kính của quốc gia so với kịch bản phát triển thông thường.	9%	Giảm phát thải khí nhà kính của Thành phố so với kịch bản phát triển thông thường	$\geq 9\%$	$\geq 9\%$	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Công Thương, Sở Xây dựng



Phụ lục II

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Quyết định số 7138 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn thực hiện	Kết quả/Sản phẩm	Nguồn lực
I. Tăng cường vai trò quản lý Nhà nước, nâng cao nhận thức, huy động sự tham gia của toàn xã hội						
1	Triển khai Chương trình phối hợp thực hiện phong trào thi đua “Toàn dân chung tay bảo vệ môi trường, vì một Thành phố Hồ Chí Minh xanh - sạch - đẹp” giai đoạn 2026-2030.	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố	Các tổ chức chính trị-xã hội, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Hằng năm	Chương trình	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp khác
2	Triển khai các hoạt động truyền thông về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn Thành phố.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu	2026-2030	Báo cáo kết quả triển khai	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp khác
3	Tổ chức phong trào, mô hình về phân loại chất thải, giảm thiểu sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần, lối sống xanh, tiêu dùng xanh, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ thiên nhiên và phòng tránh rủi ro thiên tai.	Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu	Các tổ chức chính trị-xã hội, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương, Sở Xây dựng	Hằng năm	Kế hoạch/mô hình	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp khác
4	Biểu dương, nhân rộng các mô hình hay, cách làm hiệu quả trong bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.	Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu	Các Sở, ngành và các cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên	Mô hình hay, cách làm hiệu quả được biểu dương, ứng dụng rộng rãi	Ngân sách Thành phố, địa phương và các nguồn lực hợp pháp khác

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn thực hiện	Kết quả/Sản phẩm	Nguồn lực
II. Hoàn thiện thể chế, chính sách; nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi; tăng cường kiểm tra, giám sát						
5	Rà soát, kiến nghị hoàn thiện các quy định về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu áp dụng trên địa bàn Thành phố.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tư pháp và các sở, ngành liên quan	2026-2027	Văn bản kiến nghị, đề xuất	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp khác
6	Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách đặc thù về môi trường trong khuôn khổ Luật phát triển Đô thị và các cơ chế vượt trội theo Nghị quyết số 09-NQ/TW.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tư pháp, Sở Tài chính, các sở, ngành liên quan	2026-2027	Đề án, cơ chế, chính sách	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp khác
7	Xây dựng và triển khai Kế hoạch kiểm tra chuyên ngành của Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	Kế hoạch, kết quả kiểm tra	Ngân sách Thành phố
III. Huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu						
8	Xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi về tài chính, tín dụng, đất đai, khoa học công nghệ cho các dự án xử lý chất thải, nước thải, chuyển đổi xanh.	Sở Tài chính	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ	2026 - 2027	Cơ chế, chính sách ưu đãi	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp khác
9	Bố trí tối thiểu 3% tổng chi ngân sách Thành phố hằng năm cho sự nghiệp bảo vệ môi trường (ưu tiên nguồn lực cho các nhiệm vụ, chương trình, dự án trọng điểm, cấp bách về xử lý ô nhiễm môi trường, thu gom, xử lý nước thải, chất thải, giảm ngập; đầu tư nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống quan trắc khí tượng thủy văn, tài nguyên nước và chất lượng môi trường, phục vụ giám sát, dự báo, cảnh báo sớm ô nhiễm môi trường,	Sở Tài chính	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu	2026-2030	Dự án	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp khác

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn thực hiện	Kết quả/Sản phẩm	Nguồn lực
	biến đổi khí hậu, thiên tai và các hiện tượng khí hậu cực đoan).					
IV. Tập trung giải quyết các vấn đề bức xúc về môi trường; chủ động phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường sống						
10	Triển khai các dự án giải quyết những điểm nóng, bức xúc về ô nhiễm môi trường.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Công an Thành phố, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu	2026-2030	Các Dự án	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp
11	Chương trình Bảo vệ môi trường Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2026-2030.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở ban ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu	2026-2030	Báo cáo hằng năm	Ngân sách Thành phố
12	Triển khai Kế hoạch số 87/KH-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 12 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ cấp bách, quyết liệt ngăn chặn, giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường.	Công an Thành phố	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu	2026-2030	Báo cáo hằng năm	Ngân sách Thành phố
13	Triển khai Kế hoạch hành động về kiểm soát ô nhiễm và quản lý chất lượng môi trường không khí giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu	2026-2030	Báo cáo hằng năm	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn thực hiện	Kết quả/Sản phẩm	Nguồn lực
14	Triển khai Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt sông, hồ nội thành giai đoạn 2026-2030.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu	2026-2030	Báo cáo hằng năm	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp
15	Triển khai Chương trình quan trắc chất lượng môi trường Thành phố giai đoạn 2026-2030.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các đơn vị chức năng liên quan	2026-2030	Báo cáo hằng năm	Ngân sách Thành phố
16	Quy định lộ trình chuyển đổi, chính sách phát triển giao thông xanh và quy định vùng phát thải thấp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Xây dựng	Các đơn vị liên quan	2026	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp
17	Dự án Đầu tư mở rộng hệ thống quan trắc, chia sẻ cơ sở dữ liệu và quản lý môi trường phục vụ phát triển thành phố thông minh tỉnh Bình Dương.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính, các đơn vị chức năng liên quan	2026-2030	Dự án	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp
18	Dự án Đầu tư nâng cao năng lực quan trắc môi trường tại Thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính, các Sở ngành liên quan	2026-2030	Dự án	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp
19	Đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt; giải quyết tình trạng ô nhiễm nước tại các sông, kênh, mương, hồ và đoạn sông nội thành.	Sở Xây dựng	Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026-2030	Các hệ thống thu gom	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp
20	Theo dõi, đôn đốc đầu tư hạ tầng kỹ thuật xử lý nước thải cụm công nghiệp theo quy định đạt quy chuẩn môi trường.	Sở Công Thương	Sở Tài chính, Ban QLDA đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị	2026-2030	Công trình xử lý nước thải	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn thực hiện	Kết quả/Sản phẩm	Nguồn lực
21	Xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề, khu vực khai thác – chế biến khoáng sản, khu vực tồn lưu hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, các bãi chôn lấp chất thải không hợp vệ sinh và các điểm nóng ô nhiễm khác.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Công Thương; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu	2026-2030	Báo cáo	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp
22	Xây dựng và triển khai Kế hoạch phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn giai đoạn 2027-2030.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu	2027-2030	Kế hoạch	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp
23	Quy định chính sách, biện pháp về giảm phát thải nhựa, tái chế rác thải sử dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất nhằm quản lý chất thải rắn theo chuỗi phát sinh - thu gom - vận chuyển - xử lý, thúc đẩy kinh tế tuần hoàn trong lĩnh vực môi trường.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Công Thương; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu	2026-2027	Quy định	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp
24	Rà soát, xử lý dứt điểm và ngăn ngừa tái phát các điểm tồn lưu chất thải, chất thải công kênh, phế thải xây dựng, các điểm tập kết chất thải không đúng quy định gây mất vệ sinh môi trường tại địa phương.	Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thường xuyên	Kế hoạch	Ngân sách Thành phố
25	Tổ chức phân loại chất thải rắn sinh hoạt từ tổ chức hộ gia đình, cá nhân phù hợp với điều kiện của địa phương.	Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026-2030	Kế hoạch, báo cáo kết quả	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp
26	Đầu tư phát triển hạ tầng công nghệ thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý chất thải	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Xây dựng, Sở Tài chính	2026-2030	Dự án	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp khác
27	Dự án đầu tư chuyển đổi công nghệ của các nhà máy xử lý chất thải rắn hiện hữu và đầu tư mới nhà máy bằng công nghệ tiên tiến hiện đại, hạn chế chôn lấp.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu	2026-2030	Dự án	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn thực hiện	Kết quả/Sản phẩm	Nguồn lực
28	Dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo quy hoạch chung của Thành phố.	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban QLDA đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu	Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu	2026-2030	Dự án	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp
29	Kiểm soát chặt chẽ các nguồn phát sinh nước thải, khí thải lớn.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các đơn vị chức năng liên quan	2026-2030	Dự án	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp
30	Dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật phục vụ di dời các cơ sở gây ô nhiễm (gồm Nhà máy XLNT CCN Hòa Long và Nhà máy XLNT CCN chế biến hải sản Bình Châu).	Sở Xây dựng, Sở Công Thương	Ủy ban nhân dân các xã, phường liên quan	2026-2030	Hạ tầng kỹ thuật hoàn thiện phục vụ di dời	Ngân sách Thành phố
31	Tăng cường xử lý vi phạm về tiếng ồn.	Công an Thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026-2030	Các trường hợp xử lý vi phạm	Ngân sách Thành phố
V. Bảo tồn thiên nhiên, phục hồi hệ sinh thái, đa dạng sinh học; quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên						
32	Đề án quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn Thành phố đến năm 2030.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu có rừng; các đơn vị chủ rừng và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Quý II/2027	Đề án	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp khác

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn thực hiện	Kết quả/Sản phẩm	Nguồn lực
33	Dự án thành lập mới khu bảo tồn biển Côn Đảo.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ban Quản lý Vườn quốc gia Côn Đảo, Ủy ban nhân dân đặc khu Côn Đảo, các Sở ngành liên quan	2026-2030	Dự án	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp khác
34	Thực hiện Kế hoạch triển khai Chương trình hành động số 20-CtrHĐ/TU ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Kết luận số 36-KL/TW ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Bộ Chính trị về đảm bảo an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu	2026-2030	Báo cáo	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp khác
35	Triển khai các dự án xây dựng hạ tầng, nạo vét, cải tạo môi trường kênh rạch theo Quyết định số 2415/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố.	Ban QLDA đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị	Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu	2026-2030	Dự án, Báo cáo	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp khác
36	Triển khai kế hoạch nạo vét, cải tạo hệ thống kênh, sông, rạch định kỳ hàng năm nhằm đảm bảo năng lực tiêu thoát nước tự nhiên và cải thiện chất lượng nước sông, kênh, rạch.	Ban QLDA đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị	Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu	Hằng năm	Báo cáo	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp khác
37	Triển khai Phương án tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan	2026-2030	Báo cáo	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp khác

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn thực hiện	Kết quả/Sản phẩm	Nguồn lực
38	Lập đề án đánh giá tiềm năng khoáng sản đối với khoáng sản nhóm III, IV trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Công Thương, Sở Xây dựng	2026-2027	Đề án	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp khác
39	Thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan	2026-2027	Đề án	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp khác
VI. Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm thiểu rủi ro thiên tai, nâng cao mức độ an toàn và khả năng chống chịu của Thành phố						
40	Lồng ghép theo quy định các yêu cầu thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai vào Quy hoạch tổng thể Thành phố thời kỳ 2025-2050, tầm nhìn 100 năm và các quy hoạch có liên quan.	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Các Sở ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu	2026	Quy hoạch	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực
41	Triển khai Kế hoạch hành động ứng phó biến đổi khí hậu đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu	2026-2030	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp khác
42	Cập nhật kịch bản biến đổi khí hậu của Thành phố khi kịch bản biến đổi khí hậu quốc gia năm 2025 được ban hành	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu	Quý II/2027	Kế hoạch hành động	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp khác
43	Đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan	2027-2029	Báo cáo	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp khác

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn thực hiện	Kết quả/Sản phẩm	Nguồn lực
44	Xây dựng, cập nhật Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của Thành phố đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2075.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu	2028-2030	Kế hoạch hành động	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp khác
45	Đề án chống ngập và xử lý nước thải Thành phố.	Sở Xây dựng	Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu	2026-2030	Báo cáo	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp khác
46	Kế hoạch giải quyết tình trạng ngập úng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2026-2030.	Sở Xây dựng	Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu	2026-2030	Báo cáo	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp khác
47	Đầu tư hoàn thiện hệ thống thoát nước đảm bảo thích ứng biến đổi khí hậu.	Sở Xây dựng	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính	2026-2030	Dự án	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp khác
48	Đầu tư hoàn thiện hệ thống đê bao, cống ngăn triều và các công trình thủy lợi chống ngập.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Xây dựng, Sở Tài chính	2026-2030	Dự án	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp khác
49	Xây dựng và triển khai Kế hoạch Phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng của Thành phố nhằm hỗ trợ nâng cao năng lực dự báo khí tượng thủy văn, cảnh báo sớm thiên tai.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu	2026-2030	Kế hoạch, Dự án	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp khác

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn thực hiện	Kết quả/Sản phẩm	Nguồn lực
50	Xây dựng và triển khai phương án di dời dân cư khỏi khu vực có nguy cơ cao; bảo đảm quỹ đất, nhà ở an toàn, hạ tầng thiết yếu và sinh kế bền vững.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu	Thường xuyên	Các phương án	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp khác
51	Phương án ứng phó, khắc phục sự cố môi trường, tìm kiếm cứu, cứu hộ, cứu nạn; khắc phục hậu quả thiên tai.	Bộ Tư lệnh Thành phố	Công an Thành phố, Các Sở ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu	2026-2030	Các phương án	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp khác
52	Đầu tư phát triển hạ tầng, đô thị có khả năng chống chịu cao với bão, lũ, ngập úng, hạn hán, triều cường và các tác động do biến đổi khí hậu, nước biển dâng.	Sở Xây dựng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026-2030	Các công trình, giải pháp	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp khác
53	Xây dựng các mô hình điểm về nông nghiệp thông minh giảm phát thải, thích ứng với biến đổi khí hậu.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân các xã có sản xuất nông nghiệp	2026-2030	Các mô hình được triển khai, nhân rộng	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp khác
54	Chương trình bố trí dân cư các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, hải đảo, khu rừng đặc dụng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2026-2030.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ủy ban nhân dân các xã, đặc khu liên quan	2026-2030	Chương trình	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp khác
55	Triển khai thực hiện Kế hoạch nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2030.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các cấp, các ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu	2026-2030	Các nhiệm vụ	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp khác

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn thực hiện	Kết quả/Sản phẩm	Nguồn lực
56	Xây dựng, kiện toàn lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã, lực lượng tình nguyện viên hỗ trợ người dân phòng, chống thiên tai.	Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu	Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự Thành phố; Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thường xuyên	Các lực lượng xung kích tại các địa phương	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp khác
57	Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực về tìm kiếm cứu nạn.	Bộ Tư lệnh Thành phố; Công an Thành phố	Các cấp, các ngành	Thường xuyên		Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp khác
VII. Đẩy mạnh chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp, tăng cường quản lý phát thải khí nhà kính						
58	Xây dựng đề án chuyển đổi các ngành kinh tế của Thành phố theo hướng xanh, tuần hoàn, phát thải các-bon thấp.	Sở Công Thương	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ	2026-2030	Đề án	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp khác
59	Tăng cường quản lý hoạt động kiểm kê và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở trên địa bàn Thành phố.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Công Thương, Sở Xây dựng	Thường xuyên	Báo cáo	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp khác
60	Thực hiện kiểm kê khí nhà kính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (sau khi có quy định về triển khai kiểm kê khí nhà kính cấp tỉnh).	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan	Định kỳ	Báo cáo kết quả kiểm kê khí nhà kính	Ngân sách Thành phố
61	Nghiên cứu xây dựng kịch bản phát triển thông thường (BAU) của Thành phố theo phương pháp luận phù hợp với đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) của Việt Nam làm cơ sở đánh giá mức giảm phát thải khí nhà kính của Thành phố.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ; Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh; Ủy ban nhân dân các xã,	2027-2030	Báo cáo	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp khác

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn thực hiện	Kết quả/Sản phẩm	Nguồn lực
			phường, đặc khu và các cơ quan, đơn vị liên quan			
62	Đề án hình thành thị trường tín chỉ cacbon trên địa bàn Thành phố.	Học viện Cán bộ Thành phố	Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương, Sở Xây dựng	2026-2027	Đề án	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp khác
63	Xây dựng Đề án phát triển cây xanh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn 2035.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, đơn vị có liên quan	2026-2030	Đề án	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp khác
64	Chuyển đổi số, chuyển đổi xanh Khu Công nghệ cao hướng đến mô hình phát thải ròng bằng không đầu tiên trên cả nước.	Ban Quản lý Khu Công nghệ cao	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương, Sở Xây dựng	2026-2030	Chương trình, báo cáo	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp khác
65	Kế hoạch hành động bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Sở Công Thương	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu	2026-2030	Kế hoạch, báo cáo	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp khác
66	Xây dựng Quy định chính sách hỗ trợ cho hộ gia đình lắp đặt điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ trên địa bàn Thành phố; Ban hành quy định mở rộng đối tượng, điều kiện tham gia và cơ chế mua bán điện trực tiếp giữa đơn vị phát điện với khách hàng sử dụng	Sở Công Thương	Các Sở ngành, đơn vị có liên quan; EVNHCMC	2026-2030	Cơ chế, chính sách ưu đãi	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp khác

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn thực hiện	Kết quả/Sản phẩm	Nguồn lực
	điện trong phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh.					
67	Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các thủ tục đầu tư, thỏa thuận đấu nối và phát triển lưới điện tái tạo (điện mặt trời, điện gió) đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương; bảo đảm phù hợp quy hoạch điện và các quy định pháp luật có liên quan.	Sở Công Thương	Các Sở ngành, Ủy ban nhân cấp xã có liên quan; EVNHCMC và các đơn vị điện lực; chủ đầu tư dự án	2026-2030	Các dự án điện gió được hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ thủ tục đầu tư, đấu nối và triển khai theo quy định	Nguồn vốn của doanh nghiệp và các nguồn lực hợp pháp khác
68	Triển khai Quyết định số 4153/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn Thành phố; Triển khai kiểm toán năng lượng bắt buộc đối với cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm theo quy định; hướng dẫn, đôn đốc các cơ sở thực hiện kiểm toán năng lượng, xây dựng và thực hiện kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; từng bước thúc đẩy việc áp dụng hệ thống quản lý năng lượng tại các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm.	Sở Công Thương	Các Sở ngành, địa phương có liên quan; EVNHCMC; các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm; tổ chức tư vấn, kiểm toán năng lượng	2026-2030	100% cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm thực hiện kiểm toán năng lượng theo quy định; các cơ sở xây dựng và triển khai giải pháp tiết kiệm năng lượng; tăng tỷ lệ cơ sở áp dụng hệ	Nguồn kinh phí của doanh nghiệp, cơ sở sử dụng năng lượng và các nguồn lực hợp pháp khác

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn thực hiện	Kết quả/Sản phẩm	Nguồn lực
					thống quản lý năng lượng	
VIII. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đào tạo nguồn nhân lực phục vụ bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu						
69	Xây dựng cơ sở dữ liệu môi trường, biến đổi khí hậu của Thành phố, kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an Thành phố	2027	Cơ sở dữ liệu	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp khác
70	Nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, viễn thám phục vụ giám sát, cảnh báo môi trường, khí hậu.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026-2030	Các ứng dụng, giải pháp, công nghệ được triển khai thực tế	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp khác
71	Đề án chuyển đổi mô hình phát triển Thành phố dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo hướng kinh tế tri thức, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.	Học viện Cán bộ Thành phố	Các cơ quan, tổ chức liên quan	2026-2030	Chương trình, thỏa thuận hợp tác	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp khác
72	Chuyển đổi số trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ủy ban nhân dân các xã, phường, địa phương và các cơ quan, đơn vị liên quan	2026-2030	Báo cáo	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp khác

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn thực hiện	Kết quả/Sản phẩm	Nguồn lực
73	Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác quản lý tài nguyên, môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.	Sở Nội vụ	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân các xã, phường, địa phương và các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	Kế hoạch, kết quả đào tạo	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp khác
IX. Đẩy mạnh liên kết vùng, hợp tác và hội nhập quốc tế						
74	Thúc đẩy các hoạt động ngoại giao môi trường, khí hậu trong hoạt động đối ngoại của Thành phố; hỗ trợ kết nối đối tác và phối hợp tham mưu việc tham gia các sáng kiến, chương trình, mạng lưới, cơ chế và thỏa thuận hợp tác khu vực, quốc tế phù hợp với chủ trương đối ngoại, quy định pháp luật và thẩm quyền của Thành phố.	Sở Ngoại vụ	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương, Sở Xây dựng, các Sở ban ngành và đơn vị liên quan	Thường xuyên	Kế hoạch, hoạt động đối ngoại; đề xuất hợp tác; chương trình, dự án/báo cáo	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp khác
75	Chương trình tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực biến đổi khí hậu.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các cơ quan, tổ chức liên quan	Hàng năm	Chương trình, thỏa thuận hợp tác	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp khác
76	Tăng cường hợp tác với các địa phương trong khu vực Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long và quốc tế trong quản lý, giải quyết vấn đề môi trường.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các cơ quan, tổ chức liên quan	Thường xuyên	Chương trình, thỏa thuận hợp tác	Ngân sách Thành phố và các nguồn lực hợp pháp khác